Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8108.20.00

Mã HS	8108.20.00
Mô tả hàng hóa	Titan và các sản phẩm làm từ titan, kể cả phế liệu và mảnh vụn / - Titan chưa gia công; bột
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 10:38:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/81082000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12433
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12433
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12433
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12433
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM12433
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP12433
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS12433

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11782
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11725
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11725
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11725
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11725
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11725
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11725
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11777
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11777

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11777
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11777
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11777
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11777
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11778
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11778
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11778
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11778
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11778
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11778
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11781
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11731
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11737
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11737
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11737
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11737
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11737
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11737
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11770
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11770
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11770
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11770
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11770
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11770
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11815
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11815
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11815
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11815
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11815
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11800
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11800
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11800
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11800
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11800
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11800
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11800
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11800
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11800
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11800
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11800
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11800
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11817
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11817
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11817
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11817
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11817
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11817
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11816
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11816
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11816
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11816

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11816
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11816
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11763
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11763
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11763
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11763
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11763
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11763
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11763
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11800
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11800
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11800
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11800
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11800
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11800
RCEP B	2022	2022	0	B!D11800
RCEP B	2023	2023	0	B!E11800
RCEP B	2024	2024	0	B!F11800
RCEP B	2025	2025	0	B!G11800
RCEP B	2026	2026	0	B!H11800
RCEP B	2027	2027	0	B!I11800
RCEP C	2022	2022	0	C!D11800
RCEP C	2023	2023	0	C!E11800
RCEP C	2024	2024	0	C!F11800
RCEP C	2025	2025	0	C!G11800
RCEP C	2026	2026	0	C!H11800

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11800
RCEP D	2022	2022	0	D!D11799
RCEP D	2023	2023	0	D!E11799
RCEP D	2024	2024	0	D!F11799
RCEP D	2025	2025	0	D!G11799
RCEP D	2026	2026	0	D!H11799
RCEP D	2027	2027	0	D!I11799
RCEP E	2022	2022	0	E!D11803
RCEP E	2023	2023	0	E!E11803
RCEP E	2024	2024	0	E!F11803
RCEP E	2025	2025	0	E!G11803
RCEP E	2026	2026	0	E!H11803
RCEP E	2027	2027	0	E!I11803
RCEP F	2022	2022	0	F!D11800
RCEP F	2023	2023	0	F!E11800
RCEP F	2024	2024	0	F!F11800
RCEP F	2025	2025	0	F!G11800
RCEP F	2026	2026	0	F!H11800
RCEP F	2027	2027	0	F!I11800
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10914
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10914
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10914
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10914

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8108.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8108.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12433), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.